TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lê Thi Văn;

2. Bà Huỳnh Thị Thuỷ Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà:* Ông Hồ Thái Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. (Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trước khi sáp nhập).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. (Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trước khi sáp nhập).

(Chị Lê Thị L *vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh* Lê Văn T *vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L ***trình bày:***

+ Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, đi đến chung sống từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 11 tháng 10 năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống; anh T không chí thú làm ăn, quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị Lê Thị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng kéo dài nhưng không có biện pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Toà giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn T.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 25/4/2025, bị đơn anh Lê Văn T ***Trình bày:***

+ Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn bị đơn anh Lê Văn T thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị L

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng; vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Anh Lê Văn T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng kéo dài nhưng không có biện pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đồng ý ly hôn với chị Lê Thị L.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị L giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã P, tỉnh Gia Lai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh

Gia Lai) theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T không yêu cầu, nên không xét.

+ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện "Ly hôn" và người bị kiện cư trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ , tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai).

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Lê Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã P, tỉnh Gia Lai) vào ngày 11 tháng 10 năm 2019. Lời trình bày của chị Lê Thị L và anh Lê Văn T phù hợp với Trích lục kết hôn số: 155/TLKH-BS, ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã P, tỉnh Gia Lai) cấp cho Lê Thị L và Lê Văn T (Bản sao). Nên hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Lê Văn T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị L và anh T đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm tháng 8 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn của vợ chồng xảy

ra ngày trầm trọng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong công việc, cuộc sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Chị L yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để hoà giải và tại phiên tòa anh T vắng mặt. Điều này cho thấy, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Lê Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L, anh T tại địa phương nơi cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T xác định thống nhất không có con chung, nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số : 0004437 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù M ỹ, tỉnh Bình Định (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T không yêu cầu, nên không xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004437 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hà nh án dân sự huyện Phù Mỹ , tỉnh Bình Định (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3-Gia Lai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phù Mỹ Đông;
- Lưu VP- HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bá Tùng